

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 87/2026/DS-PT

Ngày: 05 - 02 - 2026.

V/v: “Kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng

Bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Bỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 456/2025/DS-PT ngày 13 tháng 11 năm 2025, về việc “Kiện đòi tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 517/2025/QĐ-PT, ngày 23/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐ-PT ngày 09/01/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hà Thị Mỹ L, sinh năm: 1978; Địa chỉ: I T, phường B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị V, sinh năm: 1993; Địa chỉ: G T, phường B, tỉnh Đắk Lắk, Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Đan T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: A G, phường B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thanh Q, sinh năm: 1991; Địa chỉ: A.01 Nhà ở xã hội đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk, Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hồ Thị L1, sinh năm: 1986; Địa chỉ: I N, phường T, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

2. Bà Đỗ Thị Thái H, sinh năm: 1990; Địa chỉ: A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị Anh Đ, sinh năm: 1986; Địa chỉ: A L, phường T, tỉnh Đắk Lắk, Văng mặt.

* **Kháng cáo:** Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đan T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị V trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Đan T là môi giới bất động sản, biết bà Hà Thị Mỹ L có nhu cầu cần mua đất bà T giới thiệu bà L thửa đất tại khu vực phường T. Thửa đất số 294, tờ bản đồ số 11, diện tích 100,4m²; địa chỉ thửa đất tại phường T, thành phố B. Bà T nói rằng lô đất trên F0 chính chủ, đặt cọc vài ngày sau sang tên công chứng luôn không thông qua trung gian.

Ngày 05/4/2025, bà L đi ra ngoài không mang theo tiền nên có nhờ bà Hồ Thị L1 chuyển giúp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào tài khoản bà T để giữ chỗ chuẩn bị đặt cọc. Ngày 06/4/2025, bà L sử dụng tài khoản ngân hàng của mình, tiếp tục chuyển cho bà T số tiền là 80.000.000 đồng (T1 mươi triệu đồng). Tổng số tiền bà L chuyển cho bà T là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để đặt cọc thửa đất trên.

Tuy nhiên, trong quá trình làm việc bà L được biết đặt cọc thửa đất trên không đúng với chủ sở hữu thực tế của thửa đất này, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Thị Hải A nhưng bà T lại bắt bà L ký hợp đồng đặt cọc với bà Lê Thị Anh Đ. Bà Lê Thị Anh Đ không có bất kỳ quan hệ pháp lý gì đối với thửa đất trên. Bà L nhận thấy nếu tiếp tục giao kết hợp đồng với bà Anh Đ sẽ không đúng đối tượng, không đúng chủ thể, trái với quy định của pháp luật và khi phát sinh tranh chấp sẽ không được pháp luật bảo vệ đối với giao dịch trên, việc ký kết hợp đồng đặt cọc trên tiềm ẩn quá nhiều rủi ro. Do vậy, giữa bà L và bà Nguyễn Thị Đan T bất đồng quan điểm nên không thể cùng nhau hợp tác làm ăn chung. Bà L yêu cầu bà T trả lại cho bà L số tiền là: 100.000.000 đồng bà L đã chuyển khoản nhưng bà T nhất quyết không chịu trả.

Nhận thấy việc mua bán giữa các bên không thể tiếp tục, mâu thuẫn không thể giải quyết, mục đích ban đầu giữa bà L và bà T không mang lại kết quả như mong muốn. Bà L yêu cầu bà T trả lại tiền trên nhưng bà T phớt lờ, thách thức bà L. Bà Linh cảm T2 quyền lợi của mình bị xâm phạm nghiêm trọng, việc bà T không trả lại tiền là xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Vì vậy, nay bà Hà Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Đan T phải trả lại cho bà Hà Thị Mỹ L tổng số tiền đã chuyển khoản là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Đan T trình bày:

Ngày 05/4/2025, bà Đỗ Thị Thái H có gửi cho bà mấy lô đất tại phường T. Bà thấy rẻ nên rủ bà Hồ Thị L1 mua chung cọc lướt, lúc đó bà L1 đang đi với bà Hà Thị Mỹ L, bà L1 nói hết tiền nên rủ bà L mua và bà L đồng ý mua với giá dưới 1,3 tỷ (chưa có giá chính xác) và kêu bà L1 chuyển khoản qua cho bà 20.000.000 đồng để

giữ chỗ và sáng mai 8 giờ 30 phút mới có giá chính thức và nhận cọc nên bà L đồng ý. Sau đó bà chuyển khoản cho bà H giữ chỗ.

Ngày 06/4/2025, bà L1 bận đi từ thiện nên nói với bà đưa tài khoản qua cho bà L để cọc đất là 80.000.000 đồng, bà gọi cho bà L lên quán cà phê đối diện 440 Y để làm hợp đồng cọc có bà môi giới H và chủ nhận cọc trên đó và giá bán công khai lô đất tọa lạc tại phường T ở đồi H là 1.280.000.000 đồng. Bà L nói với bà chuyển khoản dùm qua cọc và mang hợp đồng về dùm bà ở I T, phường T. Bà có nói với bà L là giá công khai 1.280.000.000 đồng, bà lên đó xem đất, gặp chủ luôn ưng thì mua không ưng thì người ta trả lại tiền giữ chỗ 20.000.000 đồng. Bà L nói bà biết khu đó và đồng ý mua. Sau đó chuyển khoản qua cho bà để bà chuyển khoản qua cho bà Thái H tiền cọc dùm.

Qua hai ngày sau bà L biết lô đất bà L mua đã được bà Đ mua lại và bán lướt nên bà L không muốn mua nữa và đòi lại cọc bà có nhờ bà Thái H thu xếp cho bà L và bà Đ gặp nhau để xin lại cọc nhưng bà Đ gặp và không đồng ý. Sau đó không nói gì về việc này nữa.

Đến ngày 17/4/2025, bà và bà Thái H được Công an phường T gọi lên và hỏi về vụ việc bà L tố cáo bà và bà Thái H lừa đảo bán đất không chính chủ. Sau đó bà và bà H có trình bày và đưa bằng chứng, tin nhắn về việc bà L đồng ý mua và khép lại vụ việc.

Đến ngày 09/6/2025, bà được Tòa án triệu tập làm việc. Nguyên vọng của bà không đồng ý về việc khởi kiện của bà L yêu cầu bà trả lại số tiền 100.000.000 đồng như bà L yêu cầu. Vì bà chuyển dùm cọc qua cho bà Thái H và bà H chuyển qua cho bà Đ, chứ bà không nhận số tiền đó.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thanh Q giữ nguyên lời trình bày của bà Đan T trong quá trình tham gia tố tụng không bổ sung gì thêm.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Bà Hồ Thị L1 trình bày:

Bà là người liên đới trong vụ kiện của bà Hà Thị Mỹ L và bà Nguyễn Thị Đan T cả hai bà L và bà T đều là bạn bè quen biết của bà trong cuộc sống và công việc.

Bà không nhớ ngày tháng cụ thể bà T có nhắn tin gửi cho bà thông tin thửa đất mở bán tại đường Y M, rủ bà mua chung. Bà có xem qua nhưng vì hết tiền nên bà không tham gia. Đúng lúc đó thì bà có đi cùng bà Hà Thị Mỹ L, trong lúc ăn uống chung bà có hỏi bà L mua không, bà L xem qua tin nhắn rồi nói mua và nhờ bà chuyển khoản cho bà T 20.000.000 đồng để giữ chỗ vì ngày mai mới có giá bán chính thức mở bán. Bà đồng ý và chuyển từ tài khoản của bà sang cho bà T 20.000.000 đồng.

Sáng hôm sau bà tham gia chương trình Thiện nguyện chung với Đ1 ở huyện thì nhận cuộc gọi của bà T báo cho bà L lên gặp chủ đất là bà Đ và môi giới là bà Thái H để đi xem đất và cọc số tiền 80.000.000 đồng còn lại bà L1 nhờ bà T gọi bà L nói tình hình và đưa địa chỉ để bà L lên làm việc thì bà L mệt không tự lên được nên bà

L1 có nhờ bà T hỗ trợ cho bà L. Nhưng nghe thông tin là bà L không đi được và nhờ bà T chuyển khoản cọc, sự việc phía sau bà không tham gia và không biết.

Sự việc xảy ra mâu thuẫn giữa bà L và bà Đ, bà T thì bà không biết không liên quan. Vì theo bà, bà chỉ là người chuyển khoản dùm cho bà L trong việc mua bán lô đất này.

Số tiền bà L nhờ bà chuyển khoản cho bà T 20.000.000 đồng thì bà L đã chuyển trả cho bà rồi trả bằng tiền mặt. Bà L không còn nợ bà số tiền này nữa.

3.2. Bà Đỗ Thị Thái H trình bày:

Bà không có quan hệ gì với bà Hà Thị Mỹ L. Bà Nguyễn Thị Đan T là khách hàng của bà. Vào tháng 4 bà có chào bán cho bà Đan T 01 lô đất ở phường T, giá bán 1.280.000.000 đồng, tối cùng ngày bà T có chuyển khoản cho bà 20.000.000 đồng để chuyển cọc giữ chân cho chủ đất (lô đất cọc 100.000.000 đồng, 20 ngày công chứng).

Sáng hôm sau bà T nói có 1 bà tên là L lên ký hợp đồng đặt cọc nhưng sau tầm 45 phút bà T gọi báo bà L bị đau chân, nên bà T sẽ chuyển khoản thêm cho bà H 80.000.000 đồng nhờ ghi và cầm hợp đồng mua bán của bà L về cho bà T.

Vụ việc bà L khởi kiện bà T trả cho bà L 100.000.000 đồng thì bà thấy vô lý.

Ngay sau khi nhận được tiền bà đã chuyển khoản đặt cọc cho bà Lê Thị Anh Đ (tổng 2 lần là 100.000.000 đồng).

3.3. Bà Lê Thị Anh Đ trình bày:

Tôi là người có liên quan trong vụ kiện đòi tài sản của bà Hà Thị Mỹ L và bà Nguyễn Thị Đan T. Sự việc như sau: Vào ngày 06/4/2025, tôi có vài lô đất tại phường T được mua từ bà Võ Thị Hải A và được sự cho phép nhận cọc từ bên thứ ba của bà Võ Thị Hải A nên tôi rao bán với giá 1.280.000.000 đồng chính xác vào ngày 06/4/2025, bà Thái H có gặp tôi tại quán cà phê và có nhu cầu đặt cọc tài sản tôi đang rao bán với thửa đất số 294, tờ bản đồ số 11, địa chỉ thửa đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bà H có trao đổi với tôi rằng bà Hà Thị Mỹ L là người đặt cọc và đã cung cấp thông tin bà L để tôi soạn thảo hợp đồng cọc và nhờ bà Mỹ L lên ký hợp đồng và chuyển tiền sau đó chờ 30 phút, bà H thông báo bà Mỹ L có việc bận không lên được và có chuyển tiền để bà Thái H chuyển tiền cọc thay cho bà Mỹ L, sau khi tôi nhận đủ số tiền cọc thì có đưa cho bà H 01 bộ hợp đồng cọc mang về đưa cho bà L trong nội dung cọc có thỏa thuận: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày cọc thì 02 bên sẽ ra Văn phòng công chứng để tiến hành thủ tục chuyển nhượng cho đúng quy định của pháp luật tức là ngày 25/4/2025 (có hợp đồng cọc kèm theo). Tuy nhiên đến ngày hẹn theo như trong hợp đồng bên tôi đã nhiều lần thông báo cho bên mua ra ký Hợp đồng mua bán (thông qua bà Thái H) nhưng không thấy sự phản hồi nào và bên bán có mặt tại Văn phòng C – số C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ lúc 8 giờ đến 17 giờ 30 phút cùng ngày vẫn không thấy bên mua có mặt để hoàn thành nghĩa vụ, sau đó tôi có thông báo cho bên mua rằng kể từ 17 giờ 30 phút ngày 25/4/2025 hợp đồng cọc đã ký giữa 2 bên chính thức hết hiệu lực (gửi qua bà Thái H) và tôi không được làm việc trực tiếp từ bà L.

Đến ngày 08/7/2025 tôi nhận được thông báo Tòa án triệu tập làm việc. Theo nhận định của tôi bà Hà Thị Mỹ Linh K đòi tài sản là không hợp lý và chính bản thân bà L tự nguyện chuyển tiền mua tài sản, rồi chính bà L không tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng cọc là vô lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Mỹ L.

[2] Buộc bà Nguyễn Thị Đan T có nghĩa vụ trả lại cho bà Hà Thị Mỹ L số tiền đã nhận là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, án phí cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 10/9/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị Đan T có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng đặt cọc ngày 06/4/2025 giữa bên nhận đặt cọc là bà Lê Thị Anh Đ và bên đặt cọc là bà Hà Thị Mỹ L về việc chuyển nhượng đối với thửa đất số thửa đất số 294, tờ bản đồ số 11, diện tích 100,4m²; địa chỉ thửa đất phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) thì thấy thửa đất nêu trên thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị Hải A, ngày 04/4/2025, bà Võ Thị Hải A lập hợp đồng đặt cọc với bà Lê Thị Anh Đ và ông Trần Quốc B về việc chuyển nhượng 06 thửa đất trong đó có thửa đất 294. Như vậy, thời điểm bào Đào làm hợp đồng đặt cọc với bà L bà Đ chưa phải chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất cũng như quyền định đoạt đối với tài sản đặt cọc, bà L cũng chưa ký vào hợp đồng đặt cọc.

Bà Nguyễn Thị Đan T cũng thừa nhận việc nhận số tiền 100.000.000 đồng của bà L để nhờ đặt cọc mua đất. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả lại số tiền là có căn cứ.

Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đan T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đan T, thì thấy:

[1.1] Do quen biết với bà Hồ Thị L1 và Nguyễn Thị Đan T và được biết bà T làm môi giới bất động sản. Bà T giới thiệu cho bà L thông tin thửa đất số 294, tờ bản đồ số 11, diện tích 100,4m²; địa chỉ thửa đất phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Nên ngày 05/4/2025, bà L nhờ bà L1 chuyển số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản bà T để giữ chỗ chuẩn bị đặt cọc thửa đất trên đến ngày 06/4/2025, bà L sử dụng tài khoản ngân hàng của mình chuyển khoản cho bà T số tiền 80.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà L chuyển cho bà T là 100.000.000 đồng để đặt cọc thửa đất trên.

Tuy nhiên, Thời điểm thực hiện việc đặt cọc thửa đất số 294, tờ bản đồ số 11, diện tích 100,4m² trên đứng tên chủ sở hữu là bà Võ Thị Hải A, bà Võ Thị Hải A mới ký hợp đồng đặt cọc ngày 04/4/2025 với bà Lê Thị Anh Đ và ông Trần Quốc B chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, bà Lê Thị Anh Đ chưa phải chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất và cũng không có quyền định đoạt đối với thửa đất này nên việc Hợp đồng đặt cọc ngày 06/4/2025 giữa bên nhận cọc bà Lê Thị Anh Đ và bên đặt cọc bà Hà Thị Mỹ L là không đúng quy định của pháp luật, bà L cũng chưa ký vào hợp đồng này.

Do chưa đảm bảo về chủ thể thực hiện hợp đồng đặt cọc nên bà L khởi kiện yêu cầu bà T trả lại số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đan T là không có cơ sở để chấp nhận mà cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Đan T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đan T; giữ nguyên Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2025/DS-ST ngày 05/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 165 và Điều 166 của Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Mỹ L.

[2] Buộc bà Nguyễn Thị Đan T có nghĩa vụ trả lại cho bà Hà Thị Mỹ L số tiền đã nhận là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đan T phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Hà Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001423 ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đắk Lắk).

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đan T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Dương Thị Thảo N nộp thay theo biên lai thu số 0000935 ngày 23/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Việt Hùng